

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 317

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên Tập: Bình Minh

Thời gian: 05.03.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _ Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 372, bắt đầu xem từ trang thứ 6.

“Hựu A Di Đà Phật tức thị Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Như Di Đà Sở Sao viết, trí giác vân, tổng trì giáo trung thuyết tam thập thất Phật, giai Tỳ Lô Giá Na nhất Phật sở hiện. Vị Giá Na nội tâm, chứng tự thọ dụng, thành u ngữ trí. Tự đương trung vương pháp giới thanh tịnh trí. Thứ từng tứ trí, lưu xuất tứ phương tứ Như Lai. Kỳ diệu quan sát trí, lưu xuất tây phương Cực Lạc thế giới, vô lượng thọ Như Lai. Tắc nhất Phật nhi song nhị độ dã. Nhân Di Đà tức Tỳ Lô, cố vân nhất Phật. Độ giả tịnh Phật quốc độ. Nhị độ giả, Hoa Tạng dữ Cực Lạc. Song giả kiêm dã, nghĩa vi kiêm lĩnh. Cái vị nhất Phật kiêm lĩnh lưỡng tịnh độ dã”.

Những điều này đều đứng về mặt hiện tượng mà nói. Tánh không sai biệt, nhưng tướng có sai biệt. Chư Phật Bồ tát, chư vị Tổ sư đều là pháp thân đại sĩ thân chứng pháp thân. Các ngài đều đã trở về tự tánh, cũng chính là tự tánh thanh tịnh viên minh thể mà Hiền Thủ quốc sư nói. Về mặt tánh mà nói là một không phải hai, từ về tướng nói thì hai không phải một. Một tức là nhiều, nhiều tức là một. Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chân tướng sẽ rõ ràng. Đây mới thật là tín tâm hiện tiền.

Hôm nay ngày 05 tháng 03, là ngày kỷ niệm tròn 40 năm của cư sĩ Hàn. Cô ấy vãng sanh ngày 05. 03.1997. Mười ba năm trước, mỗi năm vào ngày này. Các vị đồng học Tịnh độ trên toàn thế giới đều đến Đồ Văn Ba để dự lễ kỷ niệm này. Hôm nay vì học viện thành lập tròn mười năm, chúng ta đem ngày kỷ niệm này và ngày tròn 10 năm thành lập của học viện hợp lại tổ chức, nên kéo dài đến tháng mười. Hôm qua có nói với quý vị, ngày 04 tháng 03 là kỷ niệm 54 năm Chương Gia Đại Sư viên tịch. Ngài vãng sanh ngày 04.03.1957. Còn 13.07.1977 là ngày mất của thầy Phương Đông Mỹ, tròn 34 năm. Ngày 13.04.1986 Thầy Lý vãng sanh, tròn 25 năm. Bốn vị này là thành tựu cho sự truyền thừa Tịnh độ tông của chúng ta ngày nay. Trong bốn người này thiếu một cũng không được.

Nói cách khác, không có bốn vị này sẽ không có ngày hôm nay để chúng ta tụ hội tổ chức hoạt động này. Giáo thọ Phương Đông Mỹ dẫn dắt tôi vào cửa Phật, đây là điều

ngoài dự định. Vì lúc đó tôi không tin Phật giáo, thầy Phuong cũng không tin Phật giáo. Thầy Phuong là giáo thọ triết học, một nhà đại triết học nổi tiếng. Tôi học triết học với thầy Phuong. Thầy đặc biệt dạy tôi một môn “triết học khái luận”. Mỗi ngày chủ nhật đến nhà thầy, trên bàn tròn ở phòng khách. Một thầy giáo và một học trò, mỗi tuần hai tiếng đồng hồ. Khoảng hơn 9 giờ sáng lên lớp đến hơn 11 giờ. Thông thường trước 9h30 tôi nhất định đến nơi.

Bộ triết học khái luận này, không có sách cũng không có bài viết. Hoàn toàn là dạy và học bằng miệng, thầy giảng tôi nghe. Có gì thắc mắc thì có thể hỏi bất cứ lúc nào và thầy cũng tùy thời giải đáp. Tiết học cuối cùng gọi là “Phật kinh triết học”. Tôi nhận thức về Phật giáo là bắt đầu từ đây. Thầy đem triết học trong kinh Phật giới thiệu cho tôi. Câu đầu tiên thầy nói, Đức Thế Tôn là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới. Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao của triết học trên toàn thế giới. Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Điều này đã khiến những ngộ nhận trước đây của tôi, những hiểu biết sai lầm của tôi đối với Phật pháp hoàn toàn thay đổi.

Cũng trong năm đó, hình như là hai tháng sau, tôi quen với Chương Gia đại sư. Tôi học với đại sư ba năm, đại sư cũng rất từ bi, cũng một tuần dạy cho tôi hai tiếng đồng hồ. Cũng là một thầy dạy một trò như vậy suốt ba năm. Nền tảng Phật học của tôi là nhờ đại sư, phương pháp học Phật cũng đại sư truyền cho tôi. Nhìn thấu, buông bỏ. Nhìn thấu là trí tuệ, buông bỏ chính là thiên định. Nhìn thấu là đối với tất cả pháp trong thế và xuất thế gian thật sự đã hiểu rõ, cũng chính là chân tướng của tất cả pháp ta đã minh bạch gọi là nhìn thấu suốt. Sau khi nhìn thấu suốt tự nhiên sẽ buông bỏ, buông bỏ là công phu.

Trong giáo lý đại thừa nói, buông bỏ kiến tư phiền não thành A la hán. Buông bỏ trần sa phiền não chính là Bồ Tát. Buông bỏ căn bản vô minh tức là thành Phật. Dù học có nhiều đến đâu, nếu không buông bỏ, người xưa nói là từng bước khó đi! Trong Phật pháp nói là không thể nâng cao cảnh giới của chính mình. Từ sơ phát tâm đến Như Lai địa chỉ có một phương pháp này. Nhìn thấu suốt giúp ta buông bỏ, buông bỏ giúp ta nhìn thấu suốt. Nhìn thấu suốt lại giúp ta buông bỏ. Cho đến khi cả buông bỏ cũng buông bỏ, không còn nữa. Thì công đức của ta đã viên mãn.

Đây là điều ngày đầu tiên tôi quen Chương Gia đại sư, ngài đã truyền dạy cho tôi. Dạy tôi đọc hai cuốn “Thích Ca Phổ” và “Thích Ca Phương Chí”. Hai cuốn sách này do người nhà Đường trước tác, là truyện ký của Phật Thích Ca Mâu Ni. Đại Sư nói, muốn học Phật trước phải làm quen với Đức Thích Ca Mâu Ni. Không biết về ngài, chúng ta sẽ đi sai đường, sẽ chịu rất nhiều đau khổ. Cách dạy này thực sự rất hiếm thấy. Thông thường chư vị cao tăng đại đức không truyền dạy những thứ này cho chúng ta. Đại sư dặn dò tôi nên học tập Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Sau khi tôi đọc rồi mới hiểu được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một nhà giáo dục. Ngài là một vị thầy, 30 tuổi khai

ngộ và bắt đầu đi giáo hoá. Mỗi ngày giảng kinh dạy học, cho đến 79 tuổi viên tịch. Dạy học 49 năm. Đây là một vị thầy tốt, là một nhà giáo điển hình.

Chưa từng nghe nói trong 49 năm Đức Thế Tôn có ngày nào nghỉ lễ, không có. Ngày này qua ngày khác đều giảng kinh dạy học, không có một ngày gián đoạn. Đứng là dạy không mệt mà học không chán. Dạy học thời gian dài như vậy. Nhờ vậy chúng ta mới hiểu, Phật pháp là giáo dục chứ không phải là tôn giáo. Trong tôn giáo nhất định là sùng bái một vị thần, gọi là chủ tạo hoá. Nhưng trong Phật pháp không có. Vạn pháp trong vũ trụ từ đâu mà có? Đức Phật nói “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Vũ trụ từ đâu mà có, sanh mạng từ đâu mà có, vạn vật cũng từ đâu mà có. Đây là một vấn đề lớn. Mục tiêu cuối cùng của khoa học và triết học, chính là muốn biết vấn đề này. Nhưng hiện nay khoa học và triết học vẫn chưa đạt đến. Nhưng trong giáo lý đại thừa 3000 năm trước, Đức Thế Tôn đã nói rõ ràng minh bạch về sự thật này.

Những năm đầu nhà Đường, Hiền Thủ quốc sư có một bài viết gọi là “Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán”. Bài văn này không phải quá dài, thật sự là rất tường tận thấu triệt. Trong bài văn này đã nói rõ ràng minh bạch việc này. Duy tâm sở hiện, là tâm của ai? Là tâm của chính mình không phải của người khác. Duy thức sở biến, thức của ai? Thức của chính mình. Toàn bộ vũ trụ thiên biến vạn hoá, là tình thức phân biệt chấp trước của chính mình làm chủ tể. Nguồn gốc vũ trụ và bản ngã từ đâu mà có. Vạn vật từ đâu mà có đều nói rõ ràng hết.

Chúng ta phải cảm ơn các nhà khoa học hiện đại. Đặc biệt là niên đại 80, đến bây giờ là 30 năm, 30 mươi năm gần đây. Thành quả nghiên cứu của họ rất huy hoàng. Bất luận là hồng quan vũ trụ, hay vi quan thế giới. Nói về lượng tử lực học hoàn toàn tương đồng với những gì trong kinh đại thừa nói. 3000 năm trước Đức Thế Tôn đã nói rõ, bây giờ giới khoa học đã chứng minh. Nhà khoa học Ái Nhân Tư Thân người nước ngoài đã từng nói. Ông nói trên thế giới nhiều tôn giáo như vậy, nhưng đi gần với khoa học nhất chính là Phật giáo. Lời nói này đã được chứng minh.

Đức Thế Tôn một đời giáo hoá, khi Phật pháp truyền đến Trung quốc vẫn là dạy học. Việc dạy học bị lãng quên, chúng ta tin rằng không quá 300 năm. Sau khi lãng quên giáo dục, thay vào đó là những việc tụng kinh bái sám. Tổ chức nhiều pháp hội rất náo nhiệt, đây là những việc xảy ra trong giai đoạn cận đại này. Ngày xưa không có những việc này. Ngày xưa các bậc đế vương rất thông minh. Người xưa tuy kính thiên địa quý thần, nhưng họ không phủ nhận trí tuệ và năng lượng của con người. Chủ trương vận mệnh nằm trong tay mình. Đứng như trong kinh điển đại thừa nói: “*tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển*”. Tâm là sự khởi tâm động niệm của chính mình. Nói cách khác, tâm mình làm chủ lãnh dữ họa phúc của chính mình, cũng là chủ tể của tất cả biến hoá trong vũ trụ. Trong giáo lý đại thừa có liên quan đến những ngôn luận như vậy rất nhiều.

Thế giới Cực Lạc vì sao mà có? Là do trí tuệ và ý niệm của Phật A Di Đà thành tựu. Duy trì cho đến ngày nay, không có thay đổi, không có biến hoá. Đây đều là dựa vào mỗi người vãng sanh, tâm niệm của họ phải tương ứng với Phật A Di Đà. Thế giới Cực Lạc mới có thể duy trì không biến chất. Nếu người vãng sanh đến thế giới Cực lạc, không đồng tâm đồng nguyện với Phật A Di Đà. Thế giới Cực lạc sẽ suy yếu, sẽ sanh ra biến hoá. Nên Đức Phật rất thông minh, ngài tuyệt đối duy trì được điểm này, vĩnh viễn không thay đổi nguyên tắc này.

Điều kiện thứ nhất để vãng sanh thế giới Cực lạc là tâm thanh tịnh, vì tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Phật A Di Đà là tâm thanh tịnh. Đề kinh này nói, tâm của ngài là gì? Là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Tâm của mỗi người vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, đều phải thanh tịnh bình đẳng giác. Ba điều kiện này đầy đủ sẽ sanh vào cõi thật báo. Có thanh tịnh và bình đẳng sẽ sanh vào cõi phước thiện. Chỉ có thanh tịnh, không có bình đẳng giác sẽ sanh vào cõi đồng cư_cõi phàm thánh đồng cư. Tuy sanh vào cõi phàm thánh đồng cư, nhưng được oai thần 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, bình đẳng giác sẽ hiện tiền. Thật không thể nghĩ bàn!

Thế giới Cực Lạc tuy có tứ độ tam bôi cửu phẩm. Nó là thế giới bình đẳng. Có tầng lớp này chẳng thể nói là không có, trình độ không giống nhau. Nhưng ưu điểm của họ là trí tuệ, thần thông, đạo lực hầu như không có gì khác với Phật A Di Đà. Đây là sự thù thắng không gì sánh bằng của thế giới Cực Lạc! Ở trước chúng ta đã đọc qua. Đoạn khai thị này là của Hoàng Niệm Tổ, đã phá trừ nghi hoặc lo lắng của chúng ta. Chứng minh Phật pháp đại thừa viên dung vô ngại, đại tự tại! Để chúng ta không còn có phiền não phân biệt chấp trước này nữa, tốt nhất là đến tập khí cũng đều đoạn tận. Như vậy tâm chúng ta và Phật A Di Đà hoàn toàn tương đồng.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói đến thế giới Hoa Tạng, nói đến Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Tỳ Lô Giá Na là pháp thân Phật. Danh hiệu Tỳ Lô Giá Na là phạm ngữ, dịch thành chữ Hán có nghĩa là Biến Nhất Thiết Xứ, gọi là pháp tánh thân, pháp tánh độ. Tỳ Lô Giá Na trú ở cõi thường tịch quang tịnh. Thân biến khắp mọi nơi, quốc độ cũng biến khắp mọi nơi, không có hình tướng. Thân và quốc độ đều không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên. Nên lục căn tiếp xúc không được. Dù ở ngay trước mắt, chưa từng rời xa chúng ta, nhưng không có cách nào cảm nhận được. Các nhà khoa học cũng không có cách nào.

Vì sao? Vì nó không có hiện tượng. Chỉ cần có hiện tượng thì các nhà khoa học sẽ có phương pháp phát hiện nó. Tuy không có hiện tượng, nhưng nó có thể hiện ra hiện tượng. Nên nó năng sanh năng hiện. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm chính là sở sanh sở hiện. Năng sanh năng hiện, nhưng nó không biến hoá. Nên gọi là nhất chân pháp giới, chính là cõi thật báo của Chư Phật Như Lai.

Trong mười pháp giới có biến hoá. Vì sao có biến hoá? Vì chúng sanh trong mười pháp giới có khởi tâm động niệm, có phân biệt chấp trước. Đây gọi là tình thức. Nghĩa là có tình thức, có phân biệt. Tình thức là năng biến, sum la vạn tượng trong mười pháp giới là sở biến. Chúng ta ngày nay đã sơ suất, nên chỉ nhìn thấy sở biến của nó, không thấy sở sanh sở hiện. Sở sanh sở hiện và sở biến hoàn toàn dung hợp với nhau. Chúng ta thấy là giả tướng, không thấy chân tướng. Không thấy thật tướng của các pháp. Thật tướng và giả tướng hỗn hợp với nhau. Nếu có thể nhìn thấy thật tướng thì ta chính là pháp thân Bồ Tát. Nếu nhìn không thấy thật tướng, chỉ nhìn thấy giả tướng, đây là phàm phu. Đặc biệt là phàm phu trong lục đạo.

Những vị trong tứ thánh pháp giới biết được chân và vọng hỗn hợp thành một, nhưng họ vẫn chưa nhìn thấy chân tướng. Phàm phu lục đạo đến chân và vọng hỗn hợp thành một cũng không biết. Pháp thân Bồ Tát thì nhìn thấy chân tướng. Nên trong kinh điển đại thừa thường nói, việc này “duy chứng phương tri”. Thật sự chứng được sẽ hiểu được việc này. Nói với chúng ta Tỳ Lô Giá Na Phật và Phật A Di Đà là một không phải hai. Trong kinh cũng nói như vậy, Tỳ Lô Giá Na là pháp thân Phật, Phật A Di Đà là báo thân Phật, Thích Ca Mâu Ni là ứng thân Phật. Một tức là ba, ba tức là một. Có đúng không? Đúng vậy, hoàn toàn là sự thật.

Pháp thân là thể, báo thân là tướng, ứng hoá thân là dụng. Lấy ứng hoá thân để giúp chúng sanh trong mười pháp giới. Giúp họ phá mê khai ngộ, giúp họ trở về tự tánh. Mục tiêu cuối cùng của Phật pháp là dạy chúng ta trở về với thường tịch quang. Sanh về thế giới tây phương Cực Lạc là bước thứ nhất, bởi bây giờ chúng ta trở về thường tịch quang là điều không thể làm được. Nhất định phải đến thế giới Cực Lạc trước để tu hành cho tốt, đào thải hết tất cả tập khí phiền não từ vô lượng kiếp, mới có năng lực trở về thường tịch quang. Thường tịch quang thật sự là chính mình.

Nói cách khác, chính là tìm được cái thật sự của chính mình. Thân này không phải ta, thân là giả, có sanh có diệt. Linh hồn cũng không phải ta. Những năm gần đây, trên khắp thế giới chúng ta đều thấy hiện tượng ma dựa. Hiện tượng ma dựa là gì? Là linh hồn đang khởi tác dụng. Điều này nói rõ là con người không chết.

Đầu năm ngoái chúng tôi phát hiện ở Cam Túc Trung Quốc, 2100 năm trước. Đại đế Khải Tát nước La Mã phái một đoàn quân đến xâm lược Trung quốc. Toàn quân bại trận, đều chết ở Trung Quốc. Linh hồn của đoàn quân này đã 2100 năm vẫn chưa tan, biến thành binh đoàn quỷ. Họ đều là cô hồn dã quỷ, khổ không sao nói hết. Lúc đến xâm lược đã chịu nhiều sự đau khổ, chết đã 2100 năm rồi mà hàng ngày vẫn chịu khổ. Đây là tình chấp, đây là phân biệt chấp trước tạo nên hiện tượng này. Họ nhập vào thân của hai người phụ nữ, và kể lại câu chuyện này. Chuyện này là có thật không giả tí nào.

Lại xem mấy năm gần đây, thuật thôi miên của phương tây rất phát triển. Một người trong trạng thái thôi miên có thể trở về quá khứ. Quá khứ một đời, hai đời, ba

đời. Có một bài báo cáo, hình như là trở về hơn 80 đời trong quá khứ, là hơn 4000 năm trước. Con người đang ở trong động, họ có thể nói ra tình trạng sinh hoạt trong thời đó. Điều này chứng minh thật sự có luân hồi. Luân hồi chuyển thế không nhất định là thân người. Có người chuyển làm thân súc sanh, có người chuyển thân ngạ quỷ. Cũng có người sanh thiên cũng có người xuống địa ngục. Cho nên con người không chết! Thật sự hiểu được điều này ta sẽ không sợ chết. Ta đối với việc sanh tử hoàn toàn không để ý.

Nhưng xa rời đau khổ để được niết bàn an vui là điều mà tất cả chúng sanh tìm cầu. Như vậy thì làm thế nào để lìa khổ được an vui? Lìa khổ được an vui là quả báo. Vậy nhân là gì? Là đoạn ác tu thiện. Nhân ác chính là khổ báo, nhân thiện chính là quả vui. Đạo lý nhân quả không sai chút nào.

Trong đoạn này nói kinh Di Đà Số Sao, đây là tác phẩm của Liên Trì đại sư. Trong đó có một đoạn ngài nói “*trí giác vân*”. Chư vị tổ sư dạy chúng ta: “Tổng trì giáo trung thuyết tam thập thất Phật”. Tổng trì là đại thừa giáo, là nhất thừa giáo. Tổng tất cả pháp, trì tất cả nghĩa. Nghĩa rộng là nói tất cả đại thừa, nghĩa hẹp là nói nhất Phật thừa.

Ba mươi bảy vị Phật đều là hoá thân của Tỳ Lô Giá Na Phật. Ngày nay chúng ta mới biết 37 không phải là chữ số, mà là biểu pháp. Hoa Nghiêm dùng số 10 làm biểu pháp, kinh Di Đà dùng số bảy làm biểu pháp, trong Mật Tông dùng 16 làm biểu pháp. Ở đây 37 cũng là biểu pháp. Nói cách khác, tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời, vị Phật nào không phải là hoá thân của Tỳ Lô Giá Na? Tất cả đều là hoá thân của ngài. Tỳ Lô Giá Na là thường tịch quang, tất cả đều từ thường tịch quang lưu xuất ra, Đẳng giác Bồ Tát đã thành Phật. Điều này ở trước chúng ta đều đã học đã đọc qua. Tôi tin rằng mọi người vẫn còn nhớ. Đẳng giác Bồ Tát nâng cao đến Diệu giác vị. Lúc này cõi thật báo không thấy nữa. Trước mắt bây giờ là gì? Là cõi thường tịch quang.

Trở về thường tịch quang. Thường tịch quang là một thể, không có phân biệt. Chẳng những không có phân biệt, đến khởi tâm động niệm cũng không có, là một thể vô cùng viên mãn. Trong này không có gì cả, nghĩa là ba loại hiện tượng đều không có, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên hoàn toàn không có. Nhưng lại không thể nói nó là không, vì sao? Vì nó đầy đủ tất cả. Tất cả đầy đủ nhưng không phải hiện tượng, không phải hiện tượng nhưng tất cả đầy đủ. Nên chỉ cần có duyên là có thể sanh ra vạn pháp. Biến pháp giới hư không giới, đều là từ nó sanh ra, đều là từ nó hiện ra. Chánh báo của tất cả chư Phật từ nó hiện, y báo của tất cả quốc độ từ nó hiện.

Khi Huệ Năng đại sư khai ngộ đã nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, chính là ý này. Nếu chúng ta muốn hỏi, thân này của chúng ta có phải là từ thường tịch quang sở hiện? Phải, không sai chút nào. Phật là nó hiện ra, chúng sanh là nó hiện ra. Trong kinh Hoa Nghiêm thường nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Tỉnh và vô tỉnh, không có cái

nào có thể rời Tỳ Lô Giá Na. Đây là chân tướng sự thật. Như vậy chúng ta biết những lời Trí Giác Thiên Sư nói, chỉ là phương tiện mà nói, chứ không nói rõ. Ngài nói “*Giá na nội tâm, chứng tự thọ dụng, thành u ngữ trí*”. Năm loại trí tuệ viên mãn. “*Thuyết tự, tự kỹ. Trung ương pháp giới thanh tịnh trí*”. Đây là thể, thanh tịnh là thể.

Còn bốn trí khác thì sao? Lộ ra bốn phương Như Lai. Bốn trí này chính là đại viên cảnh trí, diệu quan sát trí, bình đẳng tánh trí, thành sở tác trí. Chuyển tám thức thành bốn trí. Lộ ra bốn Như Lai, còn diệu quan sát trí thì lộ ra Vô Lượng Thọ Như Lai của thế giới tây phương Cực Lạc. Nên Phật A Di Đà và Tỳ Lô Giá Na Phật là một không phải hai. Tỳ Lô Giá Na Phật là pháp thân của ngài, là pháp thân của Vô Lượng Thọ Phật. Vô Lượng Thọ Phật là báo thân của Tỳ Lô Giá Na Phật. Nên một vị Phật mà hai cõi, vì Di Đà tức là Tỳ Lô Giá Na, nên gọi là nhất Phật. Độ có tịnh Phật quốc độ. Hai cõi là Hoa Tạng và Cực Lạc. Tỳ Lô Giá Na ở Hoa Tạng, Phật Di Đà ở Cực Lạc. Đây gọi là nhị độ, nhất Phật nhị độ. “Song giả kiêm dã”, nên gọi là nhất Phật.

Kiểm nghĩa là kiêm lĩnh, “*cái vị nhất Phật kiêm lĩnh lưỡng tịnh độ*”. Hoa Tạng tịnh độ với Cực Lạc tịnh độ là một không phải hai. “*Hựu đông mật*”, là Mật tông của Nhật Bản. “*Diệc vị A Di Đà Phật, tức thị Đại Nhật Như Lai. Nhật Hưng Giáo đại sư A Di Đà Mật Thích vân*”. Đây là giải thích A Di Đà. “*Nhất giả Vô Lượng Thọ, pháp thân Như Lai cư pháp giới cung. Bất sanh bất diệt, thị cố Đại Nhật Như Lai hoặc danh Vô Lượng Thọ Phật. Nhị giả Vô Lượng Quang, pháp thân Như Lai diệu quan sát trí quang. Biến chiếu vô lượng chúng sanh, vô lượng thế giới. Thường hằng thí lợi ích, cố Đại Nhật Như Lai hoặc danh Vô Lượng Quang Phật*”.

Đại Nhật tức Tỳ Lô Giá Na, Đại Nhật tức A Di Đà Phật. Trong Phật giáo bất luận là tông phái nào, danh hiệu bốn tôn không tương đồng, nhưng thật ra là một. Đây là thật, hoàn toàn không phải giả. Mở rộng ra khắp thế giới, bất cứ tôn giáo nào, vị khai sáng mà họ sùng bái là một, tuyệt đối không có hai vị.

Mười năm lại đây, tôi có nhân duyên tiếp xúc với các tôn giáo trên thế giới. Tôi đem suy nghĩ của tôi nói với họ. Trên thế giới mọi người tôn sùng giáo chủ không giống nhau, nhưng chân thân chỉ có một. Thần trong mỗi tôn giáo, bất đồng danh từ, bất đồng hình tượng. Nhưng đều là hoá thân của một vị chân thân. Vị chân thân này trong Phật giáo không gọi là thần. Trong Phật giáo gọi là chân như, pháp tánh. Các tôn giáo khác gọi nó là chân thân, toàn là hoá thân của chân như! Cho nên tôn giáo trên thế giới là một nhà. Chúng ta cần phải hỗ tương học tập. Nếu quý vị không tin, thử nghiên cứu kinh điển của quý vị, sau đó nghiên cứu kinh điển các tôn giáo trên thế giới, quý vị sẽ phát hiện thật sự là một.

Tôi hỏi mọi người, quý vị có tin chân thân có trí tuệ viên mãn chẳng? Tin. Chân thân có năng lực viên mãn chẳng? Tin. Chân thân có tướng hảo viên mãn chẳng? Tin. Chân thân có thể biến hoá các hình tướng khác nhau chẳng? Tin. Như vậy là đúng!

Chân thân trong các dân tộc khác nhau, văn hoá khác nhau, cách thức sống khác nhau. Điều biến hoá tương đồng với con người ở địa phương đó. Nếu ta tiếp xúc qua nhiều địa phương, sẽ thấy nhiều người không giống nhau, thật ra chỉ là một. Nên giáo huấn trong kinh điển, mục tiêu và phương hướng cuối cùng tuyệt đối là tương đồng.

Chỗ bất đồng là cách thức sinh hoạt, phong tục tập quán, bối cảnh văn hoá những điều này không giống nhau. Nên giống nhiều khác ít. Do đó chúng ta phải triệt để hiểu rõ chân tướng sự thật. Nhất định phải nhớ là hổ tương học tập. Hổ tương tôn kính, hổ tương yêu thương, hổ tương quan tâm lo lắng, hổ tương hợp tác. Mới thật sự thể hiện được thần thương yêu con người. Trong Phật pháp nói phạm vi rất lớn, là đại từ đại bi. Thần yêu thương chúng sanh, so với phạm vi của con người thì rộng lớn hơn rất nhiều.

Tâm lòng yêu thương của thần bao trùm khắp vũ trụ, gọi là đại từ đại bi, không có điều kiện. Vì sao? Vì vũ trụ là một thể. Là tướng phần của chân như tự tánh. Tánh tướng nhất như, tánh tướng bất nhị. Học Phật nhất định phải có nhận thức này.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới. “*A Di Đà Phật*”, đây là phạn ngữ. “*Cụ vô lượng nghĩa*”. Đứng về mặt chữ mà dịch, “A”, phạn văn của âm “A” này, dịch thành chữ Hán tức là “Vô”. “Di Đà” dịch thành “Lượng”. Ý nghĩa của nó trong danh hiệu này là vô lượng. Cái gì vô lượng? Tất cả đều vô lượng. Đây mới là ý nghĩa thật sự của nó, tất cả đều vô lượng! Thọ mạng vô lượng, quang minh vô lượng, trí tuệ vô lượng, đức năng vô lượng, tướng hảo vô lượng. Mọi thứ đều là vô lượng.

Quý vị học Phật đều biết. Lục Tổ Huệ Năng của thiền tông thời nhà Đường, mọi người đều biết ngài. Khi ngài Huệ Năng khai ngộ đã nói năm câu. Quý nghĩ xem năm câu này có phải đều là nói về vô lượng chăng? Ngài đã minh tâm kiến tánh. Ngài nói “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”. Thanh tịnh vô lượng. Vốn không sanh diệt, vốn tự đầy đủ, vốn không dao động, năng sanh vạn pháp. Quý vị nghĩ thử xem, năm câu này mỗi câu đều là vô lượng. Từ đây chúng ta có thể lãnh hội được ý nghĩa của danh hiệu Phật A Di Đà. Ba loại phiên dịch này là Mật Tông dịch. Vô lượng thọ, vô lượng quang. Hai câu này trong Kinh Vô Lượng Thọ Đức Thế Tôn có nói. Mật tông thêm vào “Cam Lộ Vương”.

“*Mật giáo dĩ thử tam danh, y kỳ thứ đệ. Biểu pháp báo hoá tam thân. Vô lượng thọ thị pháp thân. Vô lượng quang thị báo thân. Cam Lộ vương thị hoá thân. Hựu khả dịch vi vô lượng trang nghiêm, vô lượng thanh tịnh đảnh đảnh. Hựu thập nhị quang danh, diệc giai Di Đà danh hiệu*”. Ở sau chúng ta sẽ học đến thập nhị quang. Đây là danh hiệu của Phật A Di Đà. “*Hựu A Di Đà Phật danh hiệu, mỗi tự diệc cụ vô lượng nghĩa*”. Trong vô lượng nghĩa, thì mỗi nghĩa lại đầy đủ vô lượng nghĩa. Trùng trùng vô tận!

Người xưa nói: “Lớn không gì lớn hơn, nhỏ không gì nhỏ bằng”. Chúng ta dùng hai câu này để hình dung Phật A Di Đà, thì có thể lãnh hội được nghĩa lý thâm diệu của nó. Giải thích của chư vị cổ đức rất nhiều đều không sai, đều có đạo lý. Thật là muôn màu muôn vẻ. “*A tự vi bốn bất sanh chi nghĩa, cố thị không đế*”. Đây là dùng tam đế để giải thích. “*Di tự vi ngô ngã chi nghĩa, cố thị tùy duyên chi giả đế. Đà tự vi như chi nghĩa, cố thị trung đế*”. Tam đế, trong kinh điển đại thừa thường nói. Phổ thông nhất, dẫn chứng nhiều nhất là tam đế, tam chỉ, tam quán của Thiên Thai đại sư. Đây là điều Trí Giả đại sư thường nói.

“*Hựu A Di Đà Mật Thích vân, a tự nhất tâm bình đẳng bốn sơ bất sanh nghĩa*”. Cũng nói rất hay! Bốn sơ bất sanh chính là không sanh. Không sanh đương nhiên là không diệt. Đúng như ngài Huệ Năng nói “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”. Đây là danh hiệu của tánh đức. “*Di tự, nhất tâm bình đẳng vô ngã đại ngã nghĩa*”. Vô ngã là không có tiểu ngã, chỉ có đại ngã. Đại ngã là gì? Thể của đại ngã chính là pháp thân. Tướng của đại ngã là như ngài Huệ Năng nói “năng sanh vạn pháp”. Vạn pháp là tướng của đại ngã, biến pháp giới hư không giới là chính mình. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ và thông đạt, khẳng định sự thật này là chân thật. Như vậy thì chúc mừng quý vị, quý vị đã chứng được pháp thân.

Hiện thân này, ở khu vực này, hiện thân đồng loại với chúng sanh ở khu vực đó. Hiện thân này để làm gì? Để hoá độ chúng sanh ở đó, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ. Là vì việc này mà thị hiện. Hiện ta một tấm gương giác ngộ để chúng sanh nhìn thấy, giúp họ cũng giác ngộ. Đây gọi là hoằng pháp lợi sanh.

Bên dưới “*Đà tự, nhất tâm chư pháp như như tịch tịnh nghĩa*”. Nhất tâm là bản thể của các pháp. Thể tịch tịnh, dĩ nhiên tướng cũng tịch tịnh. Bây giờ chúng ta thấy, tâm của chúng ta không thanh tịnh. Hiện tượng bên ngoài cũng không thanh tịnh, sanh diệt trong từng sát na. Nên biết không liên quan đến thể. Ý niệm của chúng ta không phải là chân tâm, chân tâm không có ý niệm. Trong kinh điển đại thừa thường nói “chân tâm ly niệm”. Có niệm là A lại da, không phải chân tâm, gọi là vọng tâm. Vọng tâm có niệm, chân tâm vô niệm. Vọng tâm có khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước, chân tâm không có. Phật Bồ Tát dùng chân tâm, chân tâm chính là A Di Đà. Phạm phu dùng vọng tâm, nên không thấy A Di Đà nữa.

Xem tiếp bên dưới “*Hựu a tự Phật bộ nghĩa, thị lý trí bất nhị, pháp giới thể tướng cố*”. Đây đều là giải thích của Mật Tông đối với ba chữ A Di Đà. Kinh Hoa Nghiêm đầy đủ tất cả, tông môn giáo môn, đại thừa tiểu thừa, hiển giáo mật giáo trong Phật giáo đều bao hàm hết. Kinh Vô Lượng Thọ giống Kinh Hoa Nghiêm, cũng đều bao quát hết tất cả. Nên Hoàng Niệm Tổ giải thích kinh Vô Lượng Thọ, đã dùng Kinh Hoa Nghiêm để giải thích. Dùng thiên tông để giải thích, dùng mật tông để giải thích. Điều này nói lên rằng giáo nghĩa bộ kinh này là thông đạt tất cả pháp. Chẳng những thông Phật pháp

của các tông các phái, mà còn thông cả khoa học và triết học hiện đại. Thông tất cả, nên nó có thể giải quyết mọi vấn đề.

Nếu chúng ta hỏi, xã hội động loạn trong thế giới ngày nay, Kinh Vô Lượng Thọ có thể giải quyết chăng? Có thể, nhất định được. Quý vị không tin thì không còn cách nào khác. Kinh Vô Lượng Thọ có thể giải quyết thiên tai hiện tại trên địa cầu hay không? Đáp án cũng là khẳng định. Nhất định được. Chẳng những như thế, mà phương pháp còn rất đơn giản. Thật vậy, đây là pháp khó tin! Phương pháp nào? Tức là câu Nam Mô A Di Đà Phật sẽ giải quyết được, nhưng không ai tin. Người không học Phật không tin, mà người học Phật cũng không tin. Vì sao họ không tin? Bởi đối với cả lý và sự của việc này họ đều không biết. Thật sự hiểu rõ họ sẽ tin tưởng.

Câu danh hiệu Phật này nên niệm ra sao? Cách niệm của Bồ Tát Đại Thế Chí, chúng ta có thể làm được. Bồ Tát Đại Thế Chí dạy niệm cách nào? “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Dùng phương pháp này để niệm là đúng. Đô nhiếp lục căn là buông bỏ vạn duyên. Đô nhiếp lục căn là chế tâm một chỗ. Đoạn trước trong kinh này chúng ta đã học qua, “chỉ tâm nhất xứ”. Tịnh niệm, không hoài nghi, không xen lẫn tạp niệm. Tương tục, niệm này tiếp niệm kia, không gián đoạn. Như vậy có thể giải quyết vấn đề của chính mình, có thể giải quyết vấn đề xã hội, có thể giải quyết vấn đề của địa cầu. Có thể giải quyết nhiều vấn đề phức tạp trong thái không. Cho nên chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện là như vậy.

Xã hội này xảy ra vấn đề, có thể giải quyết được chăng? Được. Địa cầu xảy ra tai biến, có thể giải quyết chăng? Được. Vận chuyển của hệ mặt trời trong hư không, quỷ đạo xảy ra vấn đề có thể giải quyết chăng? Được. Chẳng có gì là không thể giải quyết. Ngày nay khó là khó ở chỗ mọi người không tin tưởng. Khó ở điểm này! Khó ở chỗ không ai hộ trì Phật pháp. Sứ mạng hộ pháp này, lúc Đức Thế Tôn còn tại thế ngài giao trách nhiệm này cho các quốc vương đại thân. Nên lịch đại đế vương hộ pháp dẫn đầu đến học tập, nhân dân khởi lòng tin cũng theo đó học tập. Bây giờ thời đại dân chủ, người lãnh đạo quốc gia không học những điều này, lãng quên không coi trọng nó, do đó thiên tai sẽ phát sinh.

Vì sao thiên tai phát sinh? Bởi tâm con người hư hoại. Hiện nay vấn đề của toàn thế giới, bao gồm vấn đề tai biến của địa cầu, là phản ứng của tâm con người. Cư dân ở thế giới tây phương Cực Lạc, mỗi người đều là thượng thiện nhơn. Trong Kinh Di Đà nói rất hay “*chư thượng thiện nhơn câu hội nhất xứ*”. Thượng thiện! Thế giới ngày nay của chúng ta, tâm người bất thiện.

Trong kinh nói về địa ngục rất nhiều, nói rất tường tận. Năm trước các bạn đồng học đã siêng năng, tra trong Đại Tạng kinh, tìm được 25 bộ kinh luận. Đức Phật nói về tình trạng ở địa ngục, nói về nhân quả ở địa ngục. Chúng tôi đem những kinh văn này ghi chép lại, biên tập thành một bộ sách “Chư Kinh Phật Thuyết Địa Ngục Tập Yếu”.

Bộ sách này nếu mọi người đều đọc, phản tỉnh một chút xem mình có tạo nghiệp địa ngục hay không? Đạo giáo cũng có một bộ sách “Ngọc Lịch Bảo Sao”, số lượng lưu thông rất rộng.

“Địa Ngục Biên Tướng Đồ” của thầy Giang là căn cứ “Ngọc Lịch Bảo Sao” để vẽ ra. Chúng ta đem ra đối chiếu với “Thái Thượng Cảm Ứng Thiên”. Đối chiếu tỷ mỉ, chúng ta phạm bao nhiêu tội nghiệp trong địa ngục. Phạm bao nhiêu tội nghiệp của nga quý và súc sanh, sẽ biết được.

Người ở thế giới tây phương Cực Lạc, nghiệp chướng của họ đều tiêu hết, đều báo hết. Phục hồi đến chỗ thanh tịnh, nên khi gặp Phật pháp họ mới vãng sanh suông sẻ. Nếu nghiệp chướng sâu nặng, không có lương tâm, không thể quay đầu. Thì dù cho niệm danh hiệu Phật có nhiều cũng đều không thể vãng sanh. Chúng ta phải thật tâm phản tỉnh, sẽ biết được con đường trước mắt của mình. Một con đường là đại từ đại bi của Phật A Di Đà, nhiếp thọ chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc. Và con đường khác chính là Vô Giám địa ngục. Hai con đường này bày ra trước mắt, chúng ta nên chọn con đường nào? Chọn thế giới tây phương Cực Lạc, nhưng mình đã tạo nhiều tội nghiệp như vậy làm thế nào để tiêu trừ đây? Chỉ cần chế tâm một chỗ, nhất tâm chuyên niệm Phật A Di Đà. Trong kinh giảng rất nhiều về vấn đề này, phải tin tưởng không nên hoài nghi. Một câu Phật hiệu diệt 80 ức kiếp tội nghiệp sanh tử.

Vì sao chúng ta niệm mà không tiêu trừ được. Vì sao? Một mặt thì niệm Phật, còn một mặt thì trong tâm trôi nổi, chính là tạo nghiệp, nên làm cho công đức niệm Phật mất hết. Tôi nói cho quý vị biết, nên dùng tâm thanh tịnh mà niệm. Quý vị xem, đồ nhiếp lục căn chính là buông bỏ tất cả. Trong tâm chỉ có một câu danh hiệu Phật, ngoài ra không có ý niệm nào khác. Như vậy sức mạnh này sẽ rất lớn, nên mới nói là chế tâm một chỗ thì không có việc gì là không làm được. Tội nghiệp đã tạo từ trong vô thủy đến nay, chỉ trong vài ngày liền được tiêu trừ. Khó, khó ở chỗ chế tâm vào một chỗ. Khó là khó ở chỗ không hiểu rõ ràng đối với đạo lý thâm thâm vi diệu này. Chưa hiểu rõ nên có hoài nghi, hoài nghi là chướng ngại rất lớn, tham sân si mạn nghi, là căn bản phiền não! Người không hoài nghi là người có phước, thật sự có phước báu. Người hoài nghi sẽ rất khó khăn.

Ở đây mới nói một chữ “A”. *“Mật tông Phật bộ, lý trí bất nhị, pháp giới thể tướng. Di tự, liên hoa bộ nghĩa, diệu quan sát trí, sanh pháp nhị không. Thật tướng bản lai bất nhiễm lục trần, như liên hoa cố”*.

Đây chính là thanh tịnh tâm, phải dùng trí tuệ vi diệu để quan sát. “Sanh pháp nhị không”, sanh là chúng sanh, pháp là vạn pháp. Chúng sanh và vạn pháp đều bất khả đắc. Quan sát bằng cách nào? Trong Hoàn Nguyên Quán Hiền Thủ quốc sư nói, trước phải hiểu rõ về lý. Sanh pháp chính là từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhị dụng là y báo và chánh báo. Pháp là y báo, sanh là chánh báo. Y báo và chánh báo đều từ tự tánh thanh

tịnh viên minh thể mà sanh ra. Thể không nhiễm bụi trần. Tất cả hiện tượng đều không tồn tại, nên tuy từ thể mà hiện tướng. Tướng không phải thật, tướng là huyền tướng.

Trong kinh Kim Cang Bát Nhã Đức Phật nói: Phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng. “Đương thể tức không, liễu bất khả đắc”. Đức Phật giảng Bát Nhã 22 năm. Tôn chỉ của Bát Nhã là gì? Nói với chúng ta tất cả pháp trong thế xuất thế gian đều bao hàm hết trong đó. “Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Nên tất cả pháp ta có thể thọ dụng, nhưng không thể không chế, không thể chiếm hữu. Nếu muốn chiếm hữu, muốn không chế, ta sẽ tạo tội nghiệp. Tạo tội nghiệp mà không đạt được nó. Nếu tạo tội nghiệp mà có thể đạt được nó, thì tội nghiệp như vậy cũng còn cưỡng được. Tạo tội nghiệp mà đạt không được! Nên tự mình phải suy nghĩ, thứ nhất thân thể này ta không đạt được. Ta có biết khi nào chết chẳng? Đến thân thể cũng không thể không chế, không thể chiếm hữu, huống gì là vật ngoài thân. Nên nó là giả, nó không phải thật.

Chỉ có một thứ là thật nhưng ta đã lãng quên. Linh tánh là thật, vĩnh viễn bất diệt. Linh tánh không phải là linh hồn. Trên thực tế linh hồn và linh tánh là một, nhưng linh hồn là trong trạng thái mê, còn linh tánh là trạng thái giác. Nên linh hồn gọi là linh tánh, linh tánh mê hoặc gọi là linh hồn. Nên không thể mê, mê thì nó sẽ luân hồi trong lục đạo, không ra khỏi lục đạo. Giác ngộ nó sẽ vượt ra ngoài lục đạo, vượt ra mười pháp giới. Mê như thế nào? Tỉnh chấp là mê, phân biệt chấp trước là mê. Đây là hiện tượng mê của tỉnh chấp, phân biệt, chấp trước. Họ không biết đây là giả chứ không phải thật.

Chuyện này chỉ có Phật pháp đại thừa mới nói rõ ràng. Khuyên chúng ta buông bỏ vạn duyên, sanh và pháp đều là không. Thật tướng vốn không nhiễm lục trần. Lục tổ Huệ Năng nói “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, từ trước đến nay chưa từng ô nhiễm. “*Như liên hoa cố. Đà tự kim cang bộ nghĩa. Như Lai diệu trí, tự tánh kiên cố, năng phá nhất thiết vọng tưởng oán địch cố*”. Đây là phân ba chữ A Di Đà để nói. Tự tánh kiên cố, không sanh không diệt, vốn không dao động. Sao lại nói có thể phá tất cả vọng tưởng? Nó vốn không có tất cả vọng tưởng, cũng không có tất cả oán địch. Oán địch tức là phiền não. Địch là đối địch, đối lập, hoàn toàn không có. Đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian hoà mục đồng thể, không có đối địch, không có oán hận. Đồng thể đại bi, vô duyên đại từ.

“*Hư a tự, không nghĩa. Nhất tâm pháp thể bản tự hư vọng tướng không vô cố*”. Nhất tâm là chân tâm. Tất cả tướng hư vọng trong thế và xuất thế gian, là không vô. Nó không tồn tại, không có tướng hư vọng. Ngài Huệ Năng nói, tự tánh thanh tịnh tâm không hư vọng. Vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt, vốn tự đầy đủ, vốn không dao động, năng sanh vạn pháp. Đây là bản lai diện mục của tự tánh thanh tịnh tâm. Thật hiếm có ngài nói một cách rõ ràng như vậy, nói một cách đơn giản như vậy. “*Di tự, giả*

hữu nghĩa. Chân không diệu hữu. Nhất tâm bình đẳng, chư pháp như huyền giả hữu cố. Thể không tịch, tướng giả hữu. Đà tự, trung đạo nghĩa, nhất tâm bình đẳng, chư pháp ly nhị biên, vô định tướng khả đắc cố”.

Trung đạo là gì? Trung đạo chính là bình đẳng tâm. Không thiên về không cũng không thiên về có. Vì sao? Vì không và có là một không phải hai. Có ở trong không, không ở trong có, bất tức bất ly. Nên Bồ Tát thị hiện trong mười pháp giới gọi là tùy duyên diệu dụng. Tùy duyên là cùng với mọi người không có gì khác. Diệu dụng là gì? Là tâm địa thanh tịnh, không nhiễm chút trần. Đây gọi là diệu!

Tâm của Bồ Tát thường ở trong thanh tịnh bình đẳng giác, không giống chúng ta. Tâm chúng ta thường ở trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thiệt thòi quá lớn. Chúng ta khởi tâm động niệm, tương ưng với phiền não, không tương ưng với chân tâm. Khổ chính là do điều này, chẳng thể không biết.

“Hữu a tự, hữu nghĩa. Nhất tâm thể tướng, bản hữu bất sanh, vô diệt tận cố”. A là pháp thân, là thường tịch quang. Vốn sẵn có, không sanh không diệt. Vô diệt tức là không diệt. Ý này chính là trong câu thứ hai mà ngài Huệ Năng nói, “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”. Không có sanh diệt. Đây là chân tâm của mình, là chân thật bản ngã của chính mình. Mục tiêu cuối cùng của sự tu học Phật pháp, hay nói cách khác là tìm lại bản lai diện mục của chính mình. Không cần giả ngã, phát hiện bản ngã giả, không phải thật. Ta phải tìm ra chân bản ngã. Chân ngã chính là pháp tánh thân, chân ngã chính là A Di Đà. Chân ngã chính là Lô Xá Na, chân ngã chính là Đại Nhật Như Lai. Đức Phật không phải đã nói rất rõ ràng rồi sao? “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Chúng ta vốn là Phật mà.

Chúng ta là vị Phật nào? Toàn bộ danh hiệu của các vị Phật này đều là danh hiệu của ta. Ta và các ngài không hai không khác. Trung Phong thiền sư nói rất hay, tâm ta tức là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức là tâm ta. Tâm này là chân tâm, không phải vọng tâm.

“Di tự, không nghĩa. Nhất tâm chư pháp, tự tánh bất khả đắc cố”. Tất cả các pháp là từ nhất tâm mà sanh ra. Nhất tâm chính là tự tánh, tự tánh bất khả đắc. Các pháp cũng bất khả đắc. Nên các pháp có thể thọ dụng, có thể thưởng thức, nhưng không thể chấp trước, không thể không chế, không thể chiếm hữu. Như vậy chính là dùng chân tâm. Còn muốn không chế nó, muốn chiếm hữu nó, như vậy là dùng vọng tâm. Vọng tâm là tạo nghiệp, vọng tâm rất khổ. Chân tâm tự tại, chân tâm không tạo nghiệp. Chân tâm tùy duyên diệu dụng, toàn bộ đều trong sinh hoạt hằng ngày. Quý vị nghĩ xem diệu dụng biết bao!

“Đà tự, bất không nghĩa”. Đây là trung đạo. “Nhất tâm chư pháp. Bỏ lại pháp thân công đức, vô đoạn tuyệt cố”. A Di Đà, Di là nghĩa không, Đà nghĩa là bất không. Bất không là nói gì? Công đức pháp thân vô đoạn tuyệt. Trong pháp thân, có trí tuệ Bát Nhã vô đoạn tuyệt, có tự tánh bốn định vô đoạn tuyệt. Có vô lượng công đức, chúng ta nói đức năng. Người bây giờ nói là vô lượng tài nghệ, nói như vậy sẽ dễ hiểu hơn. Vô lượng năng lực, ta có năng lực. Bất cứ việc gì ta cũng có thể làm được, đều không đoạn tuyệt. Vô lượng tướng hảo, trong kinh Hoa Nghiêm Đức Thế Tôn nói “tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như Lai”. Đây là pháp thân công đức. Nên nó là bất không, trong không có bất không, trong bất không có không. Ta phải dung hợp tất cả thể tướng dung lại. Khi đã dung thông sẽ hoá nhiên đại ngộ!

“Hữu a tự, nhân nghĩa. Phật giới chúng sanh. Nhân nhất tâm giác, nhân nhất tâm mê cố”. Phật giới chúng sanh, vì nhất tâm mà giác là Bồ Tát. Vì nhất tâm mà mê là chúng sanh. Giác mê đều là Phật giới chúng sanh, giác mê không hai. Giác mê là tướng có giác mê, tánh không có. Sự có giác mê nhưng lý không có. Trong vọng tâm có giác mê, trong A lại da có giác mê, nhưng trong chân tánh không có.

“Di tự, hành nghĩa. Đoạn nhân pháp nhị ngã, chứng sanh pháp bất không, chí Phật quả cố”. Thứ hai là nói về hành. Hành là tạo tác. Điều này rất quan trọng. Nhân ngã, pháp ngã, đây là ngã chấp. Nhân ngã chấp, pháp ngã chấp cần phải đoạn. Nhân ngã chấp là phiền não chướng, pháp ngã chấp là sở tri chướng.

Đức Thế Tôn thị hiện cho chúng ta thấy, ngài 19 tuổi xuất gia. Rời xa gia đình để đi cầu đạo, ngài đã buông bỏ nhân ngã chấp. Ngài đi cầu học cầu pháp suốt 12 năm. Đến năm 30 tuổi ngài ngồi dưới cội bồ đề nhập sâu vào thiền định, đem sở học của 12 năm trước buông bỏ hết. Đây gọi là buông bỏ pháp ngã chấp. Hai loại chấp trước đều buông bỏ hết. Ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đây gọi là thật sự tu hành! Nên chứng được sanh pháp bất không.

“Nhất thiết pháp, tướng hữu tánh vô”. Nhìn từ tướng là bất không, nhìn từ tánh là bất hữu. Phi không phi hữu, đây là thật tướng các pháp, “chí Phật quả cố”. Có thể đạt đến quả vị diệu giác.

“Đà tự, quả nghĩa”, có nhân có quả. Mấy câu này là dùng nhân quả để giải thích A Di Đà. “Thị bất nhị nhất tâm như như lý trí, thị tắc Phật quả cố”. Đây chính là công đức đã cứu cánh viên mãn.

Bất nhị là chỉ điều gì? Tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới là bất nhị. Nhị là nói về tánh và tướng, nói về lý và sự, nói về nhân và quả. Đều là nhị, là đối lập. Còn bất nhị thì nó là một không phải hai. Tánh tướng nhất như, lý sự bất nhị, nhân quả cũng nhất như. Trong tâm thanh tịnh không có cái gì đối lập. Vì sao không có? Vì nó là một thể. Nhân quả là một thể, lý sự là một thể, tánh tướng là một thể, làm sao có thể phân khai được?

“*Như thị sai biệt pháp môn, tức danh tự tướng*”. Nên những tướng danh tự này, trong Khởi Tín Luận Mã Minh Bồ Tát nói, không nên chấp trước là đúng. Nếu ta chấp trước là sai lầm. Chấp trước thì tâm không thanh tịnh. Danh tự là giả danh không phải thật, nói nó như thế nào cũng được. Chỉ cần hiểu được điều này, tướng danh tự là một cách, một phương pháp để Phật giáo hóa chúng sanh, nên không thể chấp trước. Chấp trước ta sẽ chịu thiệt, là sai. Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta nghe giáo, chính là nghe giảng. Nghe giảng không nên chấp trước tướng ngôn ngữ. Chúng ta không phải đến nghe họ nói. Không nên chấp trước tướng danh tự. Ở đây dạy chúng ta không nên chấp trước tướng danh tự.

Thứ ba là không nên chấp trước tướng tâm duyên. Tướng duyên tâm tức là sau khi nghe rồi, dùng ý của mình để giải thích là sai. Thực tế mà nói, Phật nói tất cả kinh đều không có ý nghĩa. Vì không có ý nghĩa nên từng chữ từng câu đều là vô lượng nghĩa. Có ý nghĩa chính là có một cách giải thích, sẽ không có cách giải thích thứ hai. Không có ý nghĩa tức có vô lượng nghĩa. Vì sao? Nó tương ưng với tự tánh. Trong tự tánh một pháp cũng không thành lập, còn ngược lại mà nói thì một pháp cũng không xả. Đây là chân tướng sự thật, pháp nhĩ như thị.

Ngày nay chúng ta học kinh giáo, học bao nhiêu năm mà vẫn chưa khai ngộ. Đã học rất nhiều Phật pháp, không phải phương pháp của Phật, là Phật pháp của chính mình. Vì sao? Đều là tự mình nghĩ ra sao, nghĩ như thế nào. Đều là Phật pháp của chính mình, không phải Phật pháp của Như Lai. Phật pháp của Như Lai không học được. Nguyên nhân là gì? Dụng tâm bị sai. Chúng ta cứ chấp vào tướng văn tự, chấp vào tướng danh tự, chấp vào tướng tâm duyên. Nên vĩnh viễn không biết chân thật nghĩa mà đức Như Lai đã nói.

Trong bài kệ khai kinh nói rất hay. Dạy ta khi mở kinh ra là “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”. Như thế nào mới hiểu Như Lai chân thật nghĩa? Dùng tâm chân thật, dùng chân tâm. Như vậy sẽ được chân nghĩa, nghĩa chân thật của Như Lai, nhưng chúng ta đều dùng vọng tâm. Vọng tâm làm sao hiểu được chân thật nghĩa của Như Lai!

“*Hư như thị tự tướng, hỏ vô định tướng*”. Nói cho chúng ta biết nhiều tướng danh tự như vậy, nhưng không có định tướng nên nói thế nào cũng được. “*Như đế võng châu*” Đây là đưa ra một ví dụ để nói. Giống như màn lưới mắc trong cung điện ở Đào Lợi Thiên Vương. Mỗi ô lưới đều có châu bảo. Ta có thể xem nhưng không thể lấy hay bỏ,

không có ý niệm lấy đi hay để lại. Không có lấy và bỏ là không có yêu và ghét. Lấy đi là thích nó, bỏ đi là ghét nó. Vứt nó đi vì ghét nó. Không có lấy hay bỏ là không có yêu hay ghét. Nghĩa là sao? Là tâm bình đẳng.

Bên dưới nói “*nhất tâm bình đẳng bất khả đắc cố*”. Chúng ta thường nói có thể thương thức, có thể thọ dụng nhưng không thể chiếm hữu. Ngày nay chúng ta sinh hoạt trên thế giới này, cần phải hiểu đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật. Ở thế gian này tất cả đều có thể thọ dụng, nhưng không nên chiếm hữu, không nên khống chế. Có ý niệm khống chế, ý niệm chiếm hữu, ý niệm chi phối, đây chính là tạo nghiệp. Nhất định phải dùng tâm bình đẳng mới có thể lợi ích chúng sanh. Nếu là tâm tự tư tự lợi, như vậy là đã tạo tội nghiệp.

Nên dùng tâm bình đẳng, dùng tâm thanh tịnh. Như vậy về mặt sự ta đã làm một cách viên mãn, làm rất tốt. Tâm thanh tịnh không nhiễm chút trần nào, như vậy ta chính là Bồ Tát, không phải là phàm phu.

Đoạn này chúng ta chưa học xong, nhưng hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây thôi.

HẾT TẬP 317